

MEANINGFUL CUSTOMS AND TRADITIONS OF LUNAR NEW YEAR PRACTICED IN VIETNAMESE SONGS AND PROVERBS

Hoang Thi Kim Oanh

Thanh Hoa University of Culture, Sports and Tourism

Email: hoangthikimoanh@dvttd.edu.vn

Received: 03/01/2024

Reviewed: 05/01/2024

Revised: 10/01/2024

Accepted: 26/01/2024

Released: 31/01/2024

Lunar New Year is a holiday and the most important traditional cultural activity of Vietnamese people. Lunar New Year has an extremely profound humanistic meaning because it crystallizes spiritual values as well as emotions and community cohesion in folk cultural beliefs. Folk songs and proverbs belong to the treasury of culture and folk knowledge that reflect the customs, habits, feelings and emotions of the Vietnamese people. In particular, our ancestors left behind many folk songs and proverbs about the good customs and traditions of Vietnamese people at Lunar New Year, contributing much to the national cultural identity.

Key words: Lunar New Year; Custom and tradition; Folk song; Proverbs.

1. Giới thiệu

Ca dao, tục ngữ Việt là những câu nói ngắn gọn dân dã, có vần điệu phản ánh đời sống, tâm lý, tư tưởng, đạo đức, phong tục của người dân Việt Nam. Nó là kết tinh kho tàng tri thức và truyền thống văn hóa dân tộc được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Ca dao, tục ngữ không chỉ là những tinh hoa ngôn ngữ của dân tộc mà còn là những bài học kinh nghiệm quý báu của ông cha về cách ứng xử của con người với tự nhiên, ứng xử giữa con người với con người cũng như những phong tục tập quán, tri thức dân gian được đúc kết qua hàng ngàn năm lịch sử. Trong số đó, ca dao, tục ngữ viết về những phong tục tập quán ý nghĩa vào ngày Tết Nguyên Đán đã phần nào phản ánh tư tưởng, quan niệm, các nghi lễ truyền thống và cách sống của người Việt Nam.

Tết Nguyên Đán là một sinh hoạt văn hóa cổ truyền quan trọng nhất của người Việt được hình thành trong không gian văn minh lúa nước của cộng đồng người Việt cổ, là thời khắc chuyển giao giữa năm cũ và năm mới, kết thúc một chu kỳ vận hành của vũ trụ để mở ra một chu kỳ mới. Người Việt thường có câu thành ngữ cửa miệng “Năm hết tết đến”. Tết chính là thời khắc chuyển giao của hai chu kỳ ấy. Do vậy, khi “Tết đến xuân về” hay “Năm hết tết đến” với người Việt dường như mọi công việc mua bán, sản xuất... đều giảm dần thậm chí tạm ngừng để dồn cho việc sửa soạn đón Tết, nghỉ ngơi, vui chơi, hưởng thụ. Nét đẹp văn hóa Tết Việt biểu hiện qua nhiều mỹ tục mang nếp sống cộng đồng từ vật chất (trang trí nhà cửa, mua sắm

Tết, ăn uống...) đến tinh thần (nghỉ lễ thờ cúng, dựng nêu, đốt pháo, đón giao thừa, khai xuân, chơi xuân, chúc Tết...). Những mỹ tục ấy vừa có ý nghĩa tâm linh vừa mang giá trị tư tưởng, đạo đức được người Việt lưu truyền qua nhiều thế hệ. Bài viết nghiên cứu những phong tục tập quán Tết cổ truyền thông qua ca dao, tục ngữ được phân tích dưới góc nhìn văn hóa cho thấy: ca dao, tục ngữ không chỉ là một loại hình văn học dân gian phản ánh những nhận thức, tư tưởng, quan niệm của người Việt về hiện thực cuộc sống, mà còn là một phần quan trọng của văn hóa dân tộc. Nó kết tinh trong mình nhiều giá trị văn hóa dân gian, là một trong những phương tiện duy trì và phát triển những giá trị truyền thống của người Việt Nam.

2. Tổng quan nghiên cứu vấn đề văn đề

Theo Nguyễn Huy Bắc, “Văn học phản ánh toàn bộ những sắc thái, diện mạo của văn hóa, biểu hiện trong đời sống từ kinh tế, xã hội, chính trị, đạo đức, pháp luật đến phong tục, tập quán, lối sống, đi đứng, nói năng” [3; tr. 158]. Vì thế, văn học là một trong những thành tố quan trọng của văn hóa, cũng là thành tố góp phần đắc lực nhất để bảo tồn, phục hồi và phát huy văn hóa dân tộc. Ca dao, tục ngữ vốn là một thành tố của văn hóa dân gian Việt Nam được nảy sinh, tồn tại và phát triển gắn với sinh hoạt văn hóa cộng đồng. Ca dao, tục ngữ in đậm dấu ấn của văn hóa dân gian như phong tục tập quán, tín ngưỡng, ăn mặc, lễ Tết, hội hè, quan niệm, ứng xử... Tìm hiểu ca dao, tục ngữ viết về Tết Nguyên Đán cho ta cái nhìn sâu sắc hơn, toàn diện hơn về những mỹ tục đón Tết lâu đời của dân tộc cần được tiếp tục bảo tồn và phát huy như: phong tục đoàn tụ, nghỉ lễ thờ cúng, tục ăn uống sắm sửa, tục chúc tết và chơi xuân...

Tết là âm đọc trạnh của chữ *Tiết* trong âm Hán Việt có nghĩa là “Thời tiết”. *Nguyên* là bắt đầu, *Đán* là buổi sớm mai. Tết Nguyên Đán tức là thời gian bắt đầu năm, mở đầu cho một năm mới. Trên dòng thời gian một năm theo lịch cổ truyền, người Việt phân lập thành nhiều “tiết” - những sinh hoạt văn hóa, lễ lạt đan xen sinh hoạt đời thường như “Thượng nguyên tiết” (tết Thượng Nguyên), “Hàn thực tiết” (tết Hàn Thực), “Đoan Ngọ tiết” (tết Đoan Ngọ), “Trung thu tiết” (tết Trung Thu)... Trong số đó, Tết Nguyên Đán là tết đứng đầu, tết đầu tiên, quan trọng nhất nên còn được gọi là “Tết Cả”. Với tên gọi ấy, trong tâm thức dân gian người Việt, những tết còn lại chỉ là “tết con”, không tết nào to và quan trọng bằng “Tết Cả”. Chính vì vậy, vào dịp Tết Nguyên Đán, người Việt thực hiện nhiều nghi lễ, tín ngưỡng, phong tục thiêng liêng, mang ý nghĩa tốt đẹp với gia đình, dòng họ và cộng đồng. Trải qua nhiều biến động thời gian, những mỹ tục ấy vẫn được lưu truyền như một nét văn hóa riêng đậm đà bản sắc dân tộc.

3. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

Để nghiên cứu vấn đề, tác giả bài viết đã sử dụng nhiều phương pháp nghiên cứu như: (1) Phương pháp nghiên cứu lịch sử - xã hội bởi phong tục tập quán ngày Tết Nguyên Đán trong văn học dân gian một phần nào đó bị quy định bởi các yếu tố lịch sử, xã hội. Từ đó, chỉ ra nguồn gốc hình thành những phong tục tập quán được thể hiện trong ca dao, tục ngữ; (2) Phương pháp nghiên cứu liên ngành (văn học, văn hóa học). Việc nghiên cứu phong tục tập quán Tết Nguyên Đán qua ca dao, tục ngữ nhất thiết phải xem xét, tiếp cận từ các góc độ văn học và văn hóa học. Bởi giữa văn hóa và văn học luôn có mối quan hệ biện chứng. Trong bối cảnh xã hội ngày nay, bản sắc văn hóa dân tộc đang đứng trước nguy cơ bị mai một, việc tìm

hiểu văn học dưới góc nhìn văn hoá đang là cách tiếp cận phổ biến và được khẳng định. Lựa chọn nghiên cứu trên các bình diện này giúp tác giả phân tích, lý giải những phong tục tập quán trong ca dao, tục ngữ được đa chiều và đầy đủ nhất. Ngoài ra, tác giả còn sử dụng các thao tác phân tích văn học. Việc vận dụng thao tác này giúp tác giả bài viết nắm bắt được chiều sâu những giá trị tư tưởng, quan niệm, đạo đức, nghi lễ, cách sống của người Việt Nam được đúc rút từ ngàn đời qua ca dao, tục ngữ. Qua đó, bài viết góp phần nâng cao năng lực cảm thụ văn chương và khám phá vẻ đẹp văn hóa dân gian qua phong tục lễ Tết cổ truyền của người Việt.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Phong tục đoàn tụ bên gia đình

Theo quan niệm của người Việt Nam, Tết là ngày đoàn tụ, đoàn viên của mọi gia đình; Tết là dịp mọi người đi thăm hỏi, chúc tụng nhau, gửi đến nhau những lời tốt đẹp nhất thành đạo lý chung cho cả xã hội. Mọi quan hệ gia đình, họ hàng, làng xóm từ đây cũng được mở rộng hơn hoặc thêm khăng khít. Quan niệm này xuất phát từ đặc trưng của nền văn minh lúa nước, coi trọng yếu tố cộng đồng, đoàn kết tương thân, tương ái, nương tựa vào nhau khi khai hoang lập đất, làm ruộng, cấy cày. Văn học dân gian xưa đã có rất nhiều câu ca dao, tục ngữ đề cao cộng đồng của người Việt: *Một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ; Thương người như thể thương thân*. Từ việc đề cao yếu tố cộng đồng, người Việt rất trọng tình cảm. Với họ, *Một trăm cái lý không bằng một tý cái tình*. Vì coi trọng tình cảm, coi trọng yếu tố cộng đồng nên họ luôn hướng về nguồn cội, biết ơn nguồn cội: *Con người có tổ có tông/Như cây có cội như sông có nguồn*. Tết chính là dịp để người Việt bày tỏ tình cảm, sự thành kính đối với ông bà, cha mẹ, tổ tiên, là dịp để họ được tìm về nguồn cội: *Đi đâu mặc kệ đi đâu/ Đến ngày giỗ Tết phải mau mà về*. “Về” ở đây nghĩa là trở về bên gia đình của mình, bên cha mẹ, anh em, họ hàng. Người Việt Nam vốn rất coi trọng truyền thống gia đình, coi gia đình là chiếc nôi dưỡng dục con người từ thuở ấu thơ đến lúc trưởng thành. Và dù đi bất cứ nơi đâu, gia đình vẫn là nơi người Việt mong muốn được “trở về”. Do vậy, những ngày cuối năm, câu nói “Về quê ăn Tết” không đơn giản để chỉ một khái niệm “đi” - “về” thông thường, mà nó còn hàm chứa ý nghĩa về một cuộc hành hương trở về nguồn cội. Nó là lòng khát khao được sum vầy, được đoàn tụ đã trở thành mạch nguồn chảy trong huyết quản mỗi người Việt Nam. Trong văn hóa truyền thống của người Việt có rất nhiều phong tục, tập quán thú vị, ý nghĩa, song có lẽ phong tục đoàn viên ngày Tết mang ý nghĩa riêng rất đáng trân trọng. Nó trở thành hệ giá trị văn hóa quốc gia, hệ giá trị đạo đức gia đình bền vững của người Việt. Tết đến, xuân về, con cháu dù làm ăn ở bất cứ đâu cũng cố gắng về nhà không chỉ để sum họp ăn Tết, mà còn mừng tuổi ông bà cha mẹ mỗi năm thêm một tuổi được khỏe mạnh, hạnh phúc bên con cháu:

Mông một Tết cha, mông hai Tết mẹ, mông ba Tết thầy

Hay: *Mông một thì ở nhà cha,*

Mông hai nhà vợ, mông ba nhà thầy.

Câu thành ngữ *Mông một Tết cha, mông hai Tết mẹ, mông ba Tết thầy* vốn bắt nguồn từ câu *Mông một Tết cha, mông ba Tết thầy*; thể hiện sự phân chia lịch thăm hỏi, chúc tụng ngày Tết của các gia đình đối với các bậc sinh thành, dưỡng dục. Có lẽ nhiều người thắc mắc vì sao

có sự phân chia “Tết cha”, “Tết mẹ” ở đây khi mà cha mẹ ở cùng nhau. Hơn thế nữa, đạo hiếu đối với cha mẹ đều phải tôn trọng như nhau. Nên việc sau này dân gian thêm một vẻ “mồng hai Tết mẹ” các nhà nghiên cứu văn hóa dân gian cho rằng hàm chứa ý nghĩa khác. “Cha” là bên nội, “mẹ” là bên ngoại. Tức mồng một chúc Tết bên nội, mừng hai chúc Tết nhà ngoại. Cách giải thích này có vẻ hợp lý và cũng gần nghĩa với câu tục ngữ: *Mồng một thì ở nhà cha/ Mồng hai nhà vợ, mồng ba nhà thầy*. Trong phong tục Tết xưa, vào ngày mồng một Tết, sau khi cúng gia tiên, ông bà cha mẹ sẽ ngồi trên ghế để con cháu lạy mừng chúc Tết. Ông bà cha mẹ cũng sẽ mừng tuổi lại cho con cháu mỗi người một vài xu hoặc một vài hào. Có nơi gọi là “tiền mở hàng” đem may mắn lại cho mọi người trong năm mới. Sang ngày mồng hai sẽ tiếp tục thăm hỏi chúc Tết gia đình, họ hàng bên ngoại với những nghi thức tương tự. Ngày nay, tuy không còn chú trọng việc lạy ông bà cha mẹ vào sáng mồng một Tết, nhưng tục mừng tuổi vẫn được duy trì như một nét đẹp truyền thống về đạo hiếu của gia đình Việt Nam.

Trong quan niệm của người Việt, tục lệ tết thầy đã có từ xa xưa. Nó thể hiện tinh thần *Tôn sự trọng đạo; Uống nước nhớ nguồn; Ăn quả nhớ kẻ trồng cây*. Do vậy, sau khi hoàn thành đạo hiếu với cha mẹ hai bên nội ngoại - những người đã có công sinh thành, người Việt không thể không nhớ đến công ơn dạy bảo của người thầy đối với mình. Học trò học nghề hay học chữ đều phải có nghĩa thầy trò *Nhất tự vi sư, bán tự vi sư* (Một chữ cũng là thầy, nửa chữ cũng là thầy) với người dạy, phải kính trọng thầy, nhất là thầy dạy học chữ càng phải kính trọng hơn nữa. Nhớ về nguồn cội, bày tỏ lòng biết ơn nguồn cội trong dịp lễ Tết không thể không nhớ đến người thầy đã dạy cho ta con chữ và đạo làm người. Ngày nay, tuy không nhất thiết phải thăm hỏi, chúc Tết thầy vào ngày mồng ba như xưa nhưng người Việt vẫn giữ phong tục đến chúc Tết thầy cô hằng năm. Những cách ứng xử “đi Tết” đó tạo nên một phong tục lễ Tết mang nhiều ý nghĩa giáo dục và nhân văn sâu sắc rất đặc trưng nếp sống cộng đồng của người Việt Nam.

Cái hay ở tục Tết đoàn viên của người Việt không chỉ dành cho những người đang sống, đoàn tụ ở đây còn mang ý nghĩa với cả những người đã mất trong gia đình. Trong tâm thức của người Việt, con người là một thực thể bao gồm thể xác và linh hồn. Thể xác chỉ tồn tại trong một khoảng thời gian nhất định, nhưng linh hồn sẽ tồn tại vĩnh cửu. Con người khi chết đi nhưng linh hồn vẫn tồn tại ở một thế giới song song và “trở về” để trợ giúp hay đối nghịch với người còn sống. Người Việt cũng quan niệm rằng, “trần sao âm vậy” nên linh hồn của người chết vẫn có những nhu cầu như khi còn sống. Vì vậy, họ cũng cần được tôn kính và săn sóc thông qua việc cúng tế. Có như vậy, họ mới trở về “phù hộ độ trì” cho những người đang cúng. Việc cúng tế vốn dĩ đã được thể hiện ở hai ngày là rằm và mùng một hằng tháng. Nhưng trong dịp Tết Nguyên Đán nó mang ý nghĩa trang trọng hơn cả. Với mỗi người Việt Nam, mâm cơm cúng chiều 30 và sáng mùng một Tết vô cùng quan trọng. Gia đình nào bỏ tục lệ này là một điều bất hiếu, bất kính. Trong ca dao xưa đã có cô gái trách cứ vị hôn phu của mình một cách nặng nề:

*Chiều ba mươi anh không đi Tết,
Rạng ngày mồng một anh không đi lạy bàn thờ,
Hiếu trung mô nữa mà bảo em chờ uống công.*

Ngôn ngữ câu ca dao có thể thuộc miền Trung bộ nhưng đã thể hiện rất rõ nguyên tắc ứng xử trong gia đình mỗi người Việt Nam là lấy đạo hiếu làm trọng. Con cháu phải luôn nhớ công ơn của cha mẹ, ông bà, tổ tiên. Lúc ông bà, cha mẹ còn sống phải hết lòng chăm sóc, phụng dưỡng. Khi ông bà, cha mẹ qua đời phải thờ cúng cẩn thận. Mâm lễ có thể được chuẩn bị tùy theo phong tục vùng miền, tùy hoàn cảnh giàu nghèo nhưng không thể không được cử hành. Nếu mâm cỗ chiều 30 cúng mời ông bà, thần linh về nhà cùng ăn Tết với con cháu mang ý nghĩa tạ ơn bề trên đã phù trì cho gia đình trong một năm qua. Thì mâm cỗ cúng vào sáng mừng một, buổi sáng bắt đầu một năm mới lại như bày tỏ lòng thành kính mong bề trên tiếp tục phù trì cho gia đình năm mới nhiều mưa thuận gió hòa, mọi việc thuận buồm xuôi gió. Cũng vì việc làm mâm cơm cúng tế ngày Tết vô cùng quan trọng nên tục ngữ Việt Nam có câu: *Tết đến sau lưng, ông vải thì mừng, con cháu thì lo* là vậy. Câu tục ngữ tuy hài hước nhưng phản ánh đúng tâm trạng của người nông dân Việt Nam xưa về nỗi lo ở khía cạnh vật chất cơm áo gạo tiền khi Tết đến xuân về. Mà còn là nỗi lo về mặt tâm linh, lo sao có một mâm cỗ cúng tươm tất thì các bậc thần linh hay ông bà ông vải mới không quở trách để phù hộ năm mới làm ăn sẽ không gặp khó khăn, trắc trở hay vận hạn. Tuy vậy, tục sum họp gia đình ngày Tết vẫn là một mỹ tục truyền thống có ý nghĩa, là nét đẹp văn hóa cần gìn giữ, lưu truyền để nhắc nhở mỗi người Việt Nam luôn biết trân trọng quá khứ và hướng tới những điều tốt đẹp trong tương lai.

4.2. Cúng ông Công, ông Táo

Đối với người Việt Nam, ngày 23 tháng chạp (tháng 12 âm lịch) là ngày Tết ông Công, ông Táo (gọi chung là Tết ông Táo). Đây cũng được coi là ngày bắt đầu cho Tết cổ truyền. Trong tín ngưỡng dân gian của người Việt, Táo Quân có nguồn gốc từ ba vị thần Thổ Công, Thổ Địa, Thổ Kỳ của Lão giáo Trung Quốc nhưng được Việt hóa thành huyền tích “2 ông 1 bà” - vị thần Đất, vị thần Nhà, vị thần Bếp núc. Tuy vậy, người dân vẫn quen gọi chung là Táo Quân hoặc ông Táo do ảnh hưởng của thuyết “Tam vị thất thể”. Mỗi dân tộc đều có huyền tích về bếp lửa mang những triết lý văn hóa riêng. Với người Việt, bếp là phong thủy của nhà bởi là nơi sưởi ấm và nấu chín thức ăn hằng ngày của mọi gia đình. Trong tín ngưỡng dân gian Việt Nam, cứ đến ngày 23 tháng chạp hằng năm, vị thần bếp - Táo Quân sẽ viết ra một bản báo cáo, mô tả những điều tốt và xấu mà gia đình đã làm trong năm qua và cuời cá chép về trời báo cáo trước khi năm cũ kết thúc. Người Việt tin rằng lễ cúng ông Táo sẽ mang lại bình an, sức khỏe và tài lộc cho gia đình trong năm mới. Do vậy, đây là dịp để các gia đình tôn vinh và tạ ơn ông Táo đã truyền đạt thông tin và chúc phúc từ gia đình lên trời. Trong ngày này, mọi người thường sẽ dọn dẹp nhà bếp sạch sẽ, nấu mâm cỗ, mua cá chép sống, quần áo vàng mã về cúng để tiễn ông Táo về trời:

*Hai ba tháng chạp thay áo mũ
Cá lại hóa rồng rước Ngài đi
Thăng thiên Ngài hóa theo làn khói
Thế gian lay Ngài, họ nói chi...*

Bài ca dao vừa thể hiện tín ngưỡng dân gian thờ thần Bếp, vừa thể hiện nghi lễ cúng thần Bếp gồm mũ áo mới cho Ngài mặc và cá chép làm phương tiện để Ngài cuời về trời. Người

Việt lựa chọn cá chép vì cho rằng “Cá lại hóa rồng” gắn với sự tích cá chép vượt vũ môn trong truyền thuyết dân gian. Đối với người Việt Nam, hình ảnh cá chép vượt vũ môn hóa rồng trở thành biểu tượng cho sự may mắn, thành công, chiến thắng trong công việc, học hành, thi cử cũng như cuộc sống sung túc. Đặc biệt, cá chép cúng phải còn sống sau đó thả cá ở sông, suối trước giờ Ngọ (12 giờ trưa ngày 23 tháng chạp) để kịp lên thiên đình. Bài ca dao cũng chỉ nhắc đến trang phục của Táo Quân chỉ có “mũ áo” mà không phải “quần áo” là bởi trong truyền thuyết dân gian ông Táo không mặc quần. Hình tượng ba vị Táo Quân trong tranh dân gian Đông Hồ xưa mô tả cũng cho thấy các Táo che thân bằng tà áo thụng dài mà không có quần. Lý giải cho hiện tượng này đến giờ vẫn có nhiều phỏng đoán. Có ý kiến cho rằng do Táo Quân quanh năm ở trong bếp nhiều tro than nóng bức nên quen mặc mát mẻ, chỉ đến ngày lên thiên đình châu Ngọc Hoàng mới phải mặc triều phục nhưng cũng chỉ đội mũ, đi hia, mặc áo thụng (*Hăm ba, ông Táo dạo chơi xuân/ Đội mũ, đi hia, chẳng mặc quần*). Nhưng cũng có ý kiến cho rằng đó có thể là chủ ý của dân gian khi sáng tạo nên hình tượng vị vua Bếp mộc mạc, gần gũi và dễ dàng cảm thông với nỗi niềm, hoàn cảnh của người nông dân.

Sự tích về ông Công, ông Táo trong dân gian nhiều dị bản nhưng đều có chung một cấu trúc là có ba nhân vật “một vợ hai chồng”. Ở dị bản nào, các nhân vật cũng đều sống rất có tình, có nghĩa. Đó là cái nghĩa tình phu thê, sống chết cùng nhau.

*Quanh năm với lửa chẳng hề chi
Quán xuyên nhân gian cả bốn kỳ
Hai Ông một Bà, ra thế đứng
Gánh vác giang sơn, mãi thực thi*

Mặc dù truyền thống văn hóa Việt Nam khó có thể chấp nhận việc đa phu “hai ông một bà” (*Thế gian một vợ một chồng/Không như vua Bếp hai ông một bà*). Ca dao cũng từng có câu:

*Gió đưa ông Bếp về trời,
Bà Bếp ở lại chịu lời đắng cay.*

Dường như tác giả dân gian muốn phần nào bày tỏ sự cảm thông với nghĩa tình của vợ chồng nhà Táo. Cũng chính nghĩa tình thủy chung đó mà suốt bao đời nay người Việt vẫn thờ cúng ông Táo với mong muốn Táo Quân sẽ giúp họ giữ cho bếp lửa của gia đình mình luôn được nồng ấm, đủ đầy. Tục thờ cúng ông Táo và phóng sinh cá chép không chỉ mang ý nghĩa nghi lễ tâm linh trong văn hóa truyền thống mà còn là nét đẹp hồn hậu của tâm hồn Việt Nam và rất nhân văn của một phong tục Tết Việt.

4.3. Tục sắm sửa, ăn uống ngày Tết

Tục ngữ Việt Nam có câu:

*Khôn ngoan đến cửa quan mới biết,
Giàu có ba mươi Tết mới hay.*

Hay:

*Có, không: mùa Đông mới biết
Giàu nghèo: ba mươi Tết mới hay.*

Người Việt xưa làm nông và sinh hoạt theo mùa vụ. Mùa Đông là mùa giá rét, mùa màng hầu như ngưng trệ. Đây thường là khoảng thời gian sử dụng lương thực dự trữ chờ mùa

gieo hạt mới và cũng là thời gian khó khăn đối với những gia đình nghèo khó. Do vậy, trong dân gian có rất nhiều ca dao, tục ngữ hay câu chuyện kể về việc trốn nợ ngày giáp Tết của người nông dân:

*Bây giờ tư Tết đến nơi
Tiền thì không có sao nguôi tấm lòng
Nghĩ mình vất vả long đong
Xa nghe lại thấy Quảng Đông kéo còi
Về nhà công nợ nó đòi
Mà lòng bối rối đứng ngồi không an.*

Cả mùa Đông dài giá rét không thể gieo trồng cây hái, tuy phải chạy ăn từng bữa nhưng việc sắm sửa cho ba ngày Tết lại không thể dè xẻn được. Nên chỉ đến ngày “Ba mươi Tết mới hay” nhà nào “có” nhà nào “không”, gia đình nào giàu nghèo. Như câu tục ngữ sau cho thấy tục sắm sửa ngày Tết vừa là niềm vui vừa là nỗi lo của người nông dân:

*Đi cày ba vụ
Không đủ ăn ba ngày Tết!*

Dường như bao nhiêu lam lũ vất vả quanh năm người dân để dành cho ba ngày Tết được vui chơi, hưởng thụ, sắm sửa, ăn uống với mong muốn đón chờ một năm mới được sung túc. Thành ngữ Việt Nam có câu: *Đói giỗ cha, no ba ngày Tết* là vậy. Mâm cơm ngày Tết của người Việt tùy từng gia cảnh mà có thể được chuẩn bị rất cầu kỳ đến đơn giản, từ những món cao lương mỹ vị cho đến những món ăn dân dã đời thường. Song dù có thế nào cũng không thể thiếu những thứ như trong câu ca dao:

*Thịt mỡ, dưa hành, câu đối đỏ,
Cây nêu, tràng pháo, bánh chưng xanh*

Câu ca dao cho ta thấy có sáu sản vật đã trở thành biểu tượng trong văn hóa Tết Việt gồm: thịt mỡ, dưa hành, câu đối, cây nêu, tràng pháo, bánh chưng. Gọi là sản vật nhưng thực ra cũng là những món ăn hết sức dân dã nhưng vẫn làm nên cái Tết truyền thống đủ đầy của người Việt. Trong đó ba món ăn “thịt mỡ, dưa hành, bánh chưng” là những sản vật vốn được tạo nên từ nơi đồng ruộng Việt Nam. Bánh chưng là món ăn giữ vị trí đặc biệt trong tâm thức của người Việt gắn với câu chuyện *Sự tích bánh chưng, bánh dày*. Vì thế, trong mâm cỗ ngày Tết, chiếc bánh chưng không chỉ mang ý nghĩa bày tỏ lòng biết ơn của người dân đối với trời đất đã cho mưa thuận gió hòa để mùa màng bội thu, cuộc sống ấm no, đủ đầy. Mà quan trọng hơn, bánh chưng còn thể hiện lòng hiếu kính của con cháu với tổ tiên. Việc gói bánh chưng chuẩn bị Tết cần có sự tham gia của nhiều thế hệ tạo không khí sum vầy, náo nức trong các gia đình Việt: *Lạt này gói bánh chưng xanh/Cho mai lấy trúc cho anh lấy nàng*. Phong tục gói bánh chưng ngày Tết và hình ảnh cả gia đình quây quần bên nồi bánh chưng ấm áp đã trở thành biểu tượng truyền thống của Tết Việt.

Ngoài bánh chưng, mâm cỗ Tết phải có “thịt mỡ”, “dưa hành” nữa mới trọn vị Tết. “Thịt mỡ” ở đây không đơn giản là thịt chỉ toàn mỡ, mà là cách nói tượng trưng cho mâm cỗ phải có thịt mà bất cứ mâm cơm Tết gia đình Việt nào cũng chuẩn bị. Cũng có thể hiểu, đối với những gia đình xưa dù hoàn cảnh khó khăn, quanh năm ăn uống kham khổ nhưng ngày

Tết cũng chỉ ít phải lo có được miếng thịt mỡ trong nhà để đón Tết (*Số cô chẳng giàu thì nghèo/Ngày ba mươi Tết thịt treo trong nhà*). “Dưa hành” cũng là món ăn mang đặc trưng của nền nông nghiệp lúa nước. Ngoài việc mang ý nghĩa thể hiện lòng biết ơn đối với thiên nhiên, đất trời, dưa hành còn là hương vị tạo sự hài hòa, cân bằng “âm dương” vốn là nét đặc trưng của ẩm thực Việt. Ăn bánh chưng, thịt mỡ với dưa hành không chỉ làm bữa ăn đậm đà hương vị mà còn dễ tiêu hóa hơn.

Bên cạnh những món ăn vật chất (bánh chưng, thịt mỡ, dưa hành), người Việt còn chú trọng cả những món ăn tinh thần mang đậm phong vị Tết như cây nêu, tràng pháo, câu đối đỏ. Vào ngày 30 Tết, người ta sẽ dựng cây nêu trước cửa nhà là cây tre cao, phía trên có treo trầu cau, bùa chú để trừ ma quỷ gắn với *Sự tích cây nêu ngày Tết*. Trong tâm thức dân gian người Việt, “cây nêu” biểu trưng cho sức mạnh chống lại cái ác trong cuộc đấu tranh giữa người và quỷ. Việc dựng cây nêu trước nhà trong ngày Tết giúp xua đuổi tà ma đến quấy phá gia đình. Còn câu đối Tết là một thể loại văn học thuộc thể biền ngẫu gồm hai vế đối nhau, nhằm biểu thị ý chí, quan điểm, tình cảm của chủ nhà. Nó có thể ẩn chứa sự kính yêu đối với ông bà cha mẹ, hay những lời chúc an khang, thành đạt tới mọi người trong dịp Tết. Câu đối Tết thường được viết trên giấy có màu hồng đào hoặc đỏ (xưa viết bằng chữ Hán hoặc chữ Nôm sau này là chữ Quốc ngữ), bởi theo quan niệm của người Việt, đây là những màu mang lại nhiều may mắn nên được gọi là “câu đối đỏ”. Câu đối đỏ sẽ được treo trang trọng hai bên bàn thờ gia tiên. Việc treo câu đối đỏ vào ngày Tết và chơi câu đối Tết đã trở thành một nét đẹp trong tín ngưỡng dân gian Việt Nam từ bậc nho sĩ trí thức đến những thân phận nông dân, phu phen, tá điền ít học, bởi nó hướng con người đến cái đẹp “chân - thiện - mỹ”. Nhà thơ Tú Xương từng có những câu đối trào lộng: *Đào tiên đã chín hay chưa, bác mẹ em già, chấp cánh bay lên xin một quả/Đối Tết không hay cũng dán, bà con ai biết, đừng chân đứng lại ngắm vài câu*. Cũng từ tục chơi câu đối Tết mà tục khai bút đầu xuân ra đời và trở thành những mỹ tục đẹp của văn hóa Tết Việt.

Một sản vật cuối cùng không thể thiếu trong ngày Tết Nguyên Đán xưa là “tràng pháo”. Trong tín ngưỡng dân gian của người Việt xưa, việc đốt pháo cũng mang ý nghĩa xua đuổi những điều xui xẻo để đón chờ một năm mới bình an, may mắn. Tục ngữ có câu: *Thứ nhất nêu cao/Thứ nhì pháo kêu* là vậy. Có lẽ, trong những sản vật ngày Tết, pháo là thứ không phân biệt giàu, nghèo. Nó đem đến một phong vị Tết thật đặc biệt bởi những tiếng nổ rộn ràng cùng ánh sáng của hi vọng. Đối với người Việt xưa, dù nhà có nghèo đến đâu nhưng cũng cố sắm cho được ba phong pháo để đốt trong ngày Tết. Thường người ta sẽ đốt một tràng pháo vào bữa cơm tối tất niên (trước giao thừa) sau khi cúng gia tiên xong. Lần đốt này gọi là “bé môn pháo trượng” (đóng cửa đốt pháo) như muốn khép lại, tổng tiền tất cả mọi chuyện buồn của năm cũ. Lần đốt thứ hai là thời khắc giao thừa (đúng 12 giờ đêm) để xua đuổi tà ma và “tổng cự nghinh tân” đón chờ những điều tốt đẹp khi năm mới đến. Đây là thời khắc đốt pháo rất quan trọng vì người Việt quan niệm nếu pháo đốt bị xịt hoặc pháo nổ không giòn già nghĩa là báo hiệu một năm mới có nhiều điều không thuận lợi. Đến sáng sớm mừng một, khi mở cửa nhà sẽ đốt một tràng pháo để mừng buổi sáng thiêng liêng đầu năm mới, gọi là “khai môn pháo trượng” sẵn sàng đón nhận điều may mắn, thịnh vượng vào nhà. Nếu nhìn vào món

ăn ngày Tết người ta có thể phân biệt giàu nghèo, thì chỉ với vài tiếng pháo đi đùng cùng “một gang nêu” vẫn có thể mang đến không khí hân hoan, tinh thần lạc quan cho bất cứ ai trong năm mới. Ngày nay tục đốt pháo không còn, tục dựng nêu cũng không phổ biến như xưa, nhưng trong ký ức mỗi người Việt Nam vẫn không quên hình ảnh cây nêu trước nhà hay tiếng pháo nổ rộn rã, mùi pháo thơm nồng nồng. Tất cả những sản vật *Thịt mỡ, dưa hành, câu đối đỏ/Cây nêu, tràng pháo, bánh chưng xanh* ấy cùng hòa quyện tạo thành hương vị Tết, mùi của Tết mang ý nghĩa tâm linh của Tết cổ truyền Việt.

4.4. Tục du xuân, hội xuân

Như đã nói, Việt Nam xuất phát từ nền văn minh lúa nước. Nghề trồng lúa nước lại thực hiện theo thời vụ. Lúc vào nông vụ có thể *Bán mặt cho đất, bán lưng cho trời*, thậm chí *Ăn cơm bằng đèn đi cấy sáng trăng*. Nhưng lúc nông vụ nhàn rồi, người nông dân thường có tâm lý “chơi bù, ăn bù” [9; tr. 266] nhất là vào dịp Tết Nguyên Đán. Tục ngữ có câu: *Tháng giêng là tháng ăn chơi* khi thời điểm này chưa vào vụ gieo trồng, người dân được rảnh rỗi để mở các lễ hội cầu may, mong một năm mới bội thu mùa màng. Đây cũng là tháng Việt Nam có nhiều lễ hội nhất trong năm. Người người đổ về các nơi tổ chức lễ hội để “du xuân”: *Một năm là mấy tháng xuân/Ăn chơi cho thỏa phong trần ai ơi!* Nói như Toan Ánh: “Người ta đón Tết một cách nồng nàn, người ta đợi Tết một cách trịnh trọng, người ta vui Tết một cách náo nhiệt hân hoan” [2; tr. 100]. Người ta không chỉ lo sắm sửa về vật chất mà còn tổ chức các hội hè, đình đám để vui chơi, thỏa mãn đời sống tinh thần. Từ ngàn xưa, những tục lệ này đã làm cho Tết thêm ý nghĩa cũng như phần nào giúp con người thêm phấn khởi, tái tạo năng lượng để chuẩn bị cho một năm mới sang:

Chơi xuân kéo lỗ quá thì

Xuân qua ngoảnh lại còn gì là xuân...

Trong những ngày Tết, ngoài những tập tục về lễ nghi, giao thiệp, người dân còn thích đi chơi xuân, nhất là những người trẻ tuổi phải *Chơi xuân kéo lỗ quá thì*. Tục du xuân xưa có thể tổ chức các trò chơi, ăn uống hát hò tại đình làng, các lễ hội dân gian hoặc tham quan các thắng cảnh nổi tiếng. Ở một mặt nào đó, tục du xuân, tổ chức lễ hội xuân đã phản ánh đặc trưng của văn minh lúa nước và là minh chứng cho sự gắn kết của cộng đồng làng xã, kết tinh giá trị văn hóa dân gian ngàn đời của ông cha ta.

Mông một chơi cửa, chơi nhà

Mông hai chơi xóm, mông ba chơi đình

Mông bốn chơi chợ Quả Linh

Mông năm chợ Trình, mông sáu non Côi

Qua ngày mông bảy nghỉ ngơi

Bước sang mông tám đi chơi chợ Viềng

Chợ Viềng một năm mới có một phiên

Cái nón em đội cũng tiền anh mua.

Trong số các phong tục tập quán Tết cổ truyền Việt Nam không thể không nói đến chợ Tết. Chợ Tết có thể là những phiên chợ họp vào cuối năm bày bán các hàng Tết từ đồ cúng tế, hoa quả đến quần áo... cho người dân đi sắm Tết. Nhưng chợ Tết cũng có thể là những phiên

chợ họp vào đầu năm và thường được tổ chức các trò vui Xuân cùng với việc bày bán các mặt hàng người dân mua để lấy may. Có những phiên chợ Tết mỗi năm chỉ họp một lần như chợ Viềng trong bài ca dao trên. Thậm chí người xưa còn có câu:

*Bỏ con bỏ cháu,
Không ai bỏ hai mươi sáu chợ Yên
Bỏ tổ bỏ tiên
Không ai bỏ chợ Viềng mồng tám.*

Câu tục ngữ không có ý thà bỏ con cháu, tổ tiên chứ không thể bỏ đi chợ Yên và chợ Viềng, mà muốn khẳng định ý nghĩa của hai phiên chợ Tết này trong đời sống tâm linh của người Nam Định xưa. Đây là hai phiên chợ Tết mỗi năm chỉ họp một lần. Nhất là chợ Viềng - phiên chợ cầu may vô cùng đặc biệt mang những sắc thái văn hóa độc đáo. Chợ Viềng còn được gọi là “chợ âm phủ” bởi chợ họp vào đêm mùng 7 rạng ngày mùng 8 tháng giêng. Vì là phiên chợ cầu may nên người mua bán ở đây không mặc cả. Người dân đến đây chủ yếu để vui xuân, để “mua may bán rủi” và họ tin rằng buôn bán vào ngày này sẽ gặp may mắn quanh năm. Chợ Viềng ngày nay thu hút rất nhiều du khách khắp nơi trong cả nước mỗi dịp Tết đến xuân về. Ở huyện Nông Cống (Thanh Hóa) cũng có phiên chợ Cầu Quan còn gọi là chợ Thượng được họp vào dịp đầu Xuân bên bờ một con sông từ thời nhà Lê. Người dân đến đây vừa đi chợ Tết vừa xem đua thuyền rồng:

*Cầu Quan vui lắm ai ơi,
Trên thì họp chợ, dưới bơi thuyền rồng!*

Hầu như bất cứ vùng đất nào trên đất nước Việt Nam cũng đều có những phiên chợ Tết mang đặc trưng văn hóa vùng miền. Ngoài chợ Tết, các lễ hội, đình đám cũng được tổ chức khắp nơi khi xuân về. Mùa xuân chính là mùa của hội hè, đình đám:

*Tháng giêng ăn Tết ở nhà,
Tháng hai cờ bạc, tháng ba hội hè.*

Lễ hội ở Việt Nam thường gắn với nghề nông nên còn được gọi là “lễ hội nông nghiệp” [10; tr. 201]. Các nghi thức trong lễ hội vì thế còn được gọi là “nghi thức nông nghiệp” với mục đích cầu mong mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu, vạn vật được sinh sôi nảy nở. Trong quan niệm tâm linh của người Việt, vũ trụ luôn có âm dương. Tết đến xuân về cũng là thời khắc đất trời chuyển giao giữa khí âm và khí dương. Khi âm dương giao hòa vạn vật sẽ sinh sôi nảy nở, mùa màng tốt tươi. Cho nên, các lễ hội xuân có ý nghĩa đặc biệt. Người dân đi du xuân chính là tham gia vào các lễ hội xuân với mong muốn cầu may trong năm mới:

*Ngày xuân con én xôn xao
Nam thanh, nữ tú ra vào chùa Hương
Chim đưa lối, vợ đưa đường
Nam mô di Phật bốn phương chùa này!*

Hội chùa Hương (huyện Mỹ Đức, Hà Nội) thu hút khá đông khách thập phương vào dịp Tết vừa là đi lễ vừa để thưởng ngoạn cảnh vật thiên nhiên, non nước hữu tình. Tương truyền nam nữ đến đây còn để cầu duyên, vợ chồng hiếm muộn đến cầu con cái. Nếu hội chùa

Hương quyền rũ với phong cảnh hữu tình thì hội chùa Thầy (thị xã Sơn Tây, Hà Nội) cũng làm say đắm lòng người bởi những cảnh đẹp tuyệt mỹ không kém :

*Nhớ ngày mông bảy tháng ba,
Trở về hội Láng, trở ra hội Thầy.
Động chùa Thầy có hang Cắc Cớ
Trai chưa vợ thì nhớ chùa Thầy*

Trong quần thể chùa Thầy có hang Cắc Cớ vốn được người dân địa phương coi là nơi đem lại nhiều may mắn về tình duyên với nhiều sự tích thần bí. Muốn vào hang Cắc Cớ phải men theo con đường độc đạo sát vách hang phía dưới là vực sâu. Đi qua đi lại phải ôm lấy nhau để không sẩy chân sa xuống vực nên mới có câu: *Gái chưa chồng nhớ hang Cắc Cớ/Trai chưa vợ nhớ hội chùa Thầy*". Bởi thế, những kẻ yêu nhau thường hân hoan đến với hội chùa Thầy: *Nhất vui là hội chùa Thầy/ Vui thì vui vậy sao tày đôi ta*.

Ở Thanh Hóa có lễ hội đền Sòng thờ Thánh Mẫu Liễu Hạnh cũng được dân chúng đến chiêm bái rất đông mỗi dịp xuân về:

*Tình cờ ta lại gặp ta
Vui bằng mở hội tháng ba đền Sòng*

Theo truyền thuyết dân gian Việt Nam, Mẫu Liễu Hạnh là một trong bốn vị thánh *Tứ bất tử* và là vị Thánh Mẫu đứng đầu hệ thống *Tam phủ*, *Tứ phủ* thờ đạo Mẫu. Các triều đại phong kiến Việt Nam từ thời Hậu Lê đến nhà Nguyễn đều cấp cho bà nhiều *Sắc* và tôn phong bà là bậc "Mẫu nghi thiên hạ". Nhiều làng xã và các đô thị ở phía bắc Việt Nam đều có đền thờ bà. Ca dao xưa có nhiều câu ghi lại ngày hội Thánh Mẫu Liễu Hạnh:

*Tháng tám giỗ Cha,
Tháng ba giỗ Mẹ.
Nhất hội Hương Tích,
Nhì hội Phủ Dầy.*

Hay:

Giỗ Cha tức giỗ Đức Thánh Trần (Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn), giỗ Mẹ là Thánh Mẫu Liễu Hạnh vào ngày mùng ba tháng ba âm lịch. Cùng thời điểm này, bà Chúa Liễu Hạnh cũng được thờ tại nhiều lễ hội khác, nhưng hội Phủ Dầy tại xã Vân Cát, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định là long trọng nhất bởi đây là nơi bà đã giáng sinh lần hai. Mộ phần cũng được chôn cất và lập đền thờ tại đây.

Ở một số địa phương vùng Kinh Bắc xưa còn phân bổ lịch hội xuân cho từng làng để không bị trùng nhau và dân chúng có thể dễ dàng tham gia vui hội:

*Mông bốn là hội Kéo Co,
Mông năm hội Ó chẳng cho nhau về.
Mông sáu đi hội Bò Đè,
Mông bảy trở về đi hội Đống Cao...*

Kinh Bắc vốn nổi tiếng là vùng đất của những câu chuyện cổ, kết tinh nhiều trầm tích văn hóa nên nơi đây cũng phát tích nhiều lễ hội dân gian. Trong số đó, hội Lim nổi tiếng nhất. Hội được tổ chức từ ngày mùng chín đến ngày mười bốn tháng giêng, chính lễ vào ngày 13

tháng giêng hằng năm trên địa bàn huyện Tiên Du. Đây được coi là lễ hội kết tinh nét độc đáo của vùng văn hóa Kinh Bắc.

*Hôm nay là buổi hội Lim,
Nhớ em nên phải đi tìm em đây.
Nhất niên nhất lệ một ngày,
Đôi ta tỏ nỗi niềm tây tự tình!*

Trong ngày hội, ngoài các trò chơi, hội nổi tiếng với tục hát “quan họ” của các liền anh, liền chị. Hội Lim trở nên nổi tiếng, được nhân dân khắp các vùng bao đời nay ngợi ca, truyền tụng không phải chỉ vì phong cảnh hữu tình. Mà đến đó, người ta còn được hòa vào một không gian đầy thơ, nhạc, họa. Những làn điệu quan họ náo nức với những áo mớ ba, mớ bảy, nón ba tầm, quai thao, dải yếm lụa sồi, khăn đóng, áo the hoa gấm... làm say đắm lòng người. Tục ngữ có câu: “*Trai Cầu Vòng, Yên Thế; Gái Nội Duệ, Cầu Lim*” là vậy.

Và còn rất nhiều lễ hội xuân khác trên khắp miền đất nước trải dài từ Bắc vào Nam trong dịp Tết Nguyên Đán được thể hiện qua ca dao, tục ngữ mà do hạn chế một bài viết tác giả không thể liệt kê hết được. Có thể thấy, nếu lễ hội là sự cộng hưởng các giá trị lịch sử, phong tục, tín ngưỡng, văn chương, nghệ thuật được kết tinh trong suốt chiều dài lịch sử, thì ca dao, tục ngữ là sự kết tinh của tất cả các giá trị ấy. Qua ca dao, tục ngữ, người ta được biết nhiều hơn, hiểu sâu sắc hơn về sự tồn tại và phát triển của các lễ hội từng vùng miền. Duy có một điều, lễ hội mùa xuân và tục du xuân của người Việt có từ bao giờ cho đến nay các nhà nghiên cứu văn hóa vẫn chưa thể xác định. Nguyễn Đồng Chi trong cuốn *Việt Nam cổ văn học sử* viết rằng: “Vào những ngày hội hoặc ngày tế thần, thường thường là mùa Xuân xa ngày cấy hái, trai gái các bộ lạc thôn ấp thường tụ tập lại một nơi, đặt ra lời ví hát gheo nhau, trong khi gảy đàn, thổi sáo, đánh trống, múa nhảy hay là bày các trò vui.” [5; tr. 65]. Từ nhận định của tác giả Nguyễn Đồng Chi cho thấy ngay từ thời cổ xưa, mùa xuân là khoảng thời gian “xa ngày cấy hái” nên người dân được nghỉ ngơi, giải trí, thụ hưởng những thành quả lao động. Và như trên đã nói, Tết đến xuân về, người Việt luôn tưởng nhớ, hướng về nguồn cội. Tổ chức lễ hội mùa xuân, du xuân, đi lễ là dịp để người dân tỏ lòng tôn kính và đặt niềm tin vào các đấng tối cao mà mình thờ phụng với những điều ước tốt đẹp:

*Làng ta mở hội vui mừng,
Chuông kêu, trống gióng vang lừng đôi bên.
Long ngai Thánh ngự ở trên,
Tả vãn, hữu võ, bốn bên rồng châu.*

Cũng vì thế, lễ hội mùa Xuân cũng còn là dịp để trai gái bộc lộ niềm khát khao tự do duyên ái:

*Ăn chơi cho hết tháng hai,
Cho làng đóng đám, cho trai dọn đình.
Trong thì chiêng trống rập rình,
Ngoài thì trai gái tự tình cùng nhau.*

Đối với nam nữ thanh niên lúc bấy giờ, chỉ trong ngày hội xuân ngắn ngủi ấy họ mới được thoải mái gần nhau, tận hưởng khoảnh khắc hạnh phúc mà không bị ràng buộc bởi

những lễ giáo phong kiến. Lễ hội dân gian vì thế không đơn giản chỉ là tái hiện những mô thức văn hóa cổ xưa mà qua đó còn thể hiện khát khao, nhu cầu tín ngưỡng, giải trí, sự cộng cảm của con người, là minh chứng cho nét đẹp văn hóa ngàn đời của ông cha.

5. Thảo luận

Ca dao, tục ngữ đã ghi lại dấu ấn khá đậm nét các phong tục Tết cổ truyền của người Việt. Việc khảo sát phong tục lễ Tết cổ truyền qua ca dao, tục ngữ cho thấy mối quan hệ biện chứng giữa văn hóa và văn học dân gian. Văn học dân gian, cụ thể là ca dao, tục ngữ trở nên có giá trị hơn khi lưu giữ những phong tục, tập quán, tín ngưỡng, tri thức... qua hàng nghìn năm lịch sử để người đời sau có cái nhìn toàn diện, sâu sắc hơn về những giá trị truyền thống của văn hóa Việt. Ngược lại, những phong tục, tập quán, tín ngưỡng dân gian cũng góp phần làm phong phú thêm cho thể loại cũng như niềm mỹ cảm cho văn học dân gian. Trong nhiều phong tục Tết cổ truyền qua ca dao, tục ngữ, bài viết đã khảo sát được một số phong tục giàu giá trị văn hóa vẫn được lưu truyền đến ngày nay như: phong tục đoàn tụ bên gia đình, cúng ông Công ông Táo; ăn uống, sắm sửa Tết, du xuân, hội xuân. Các phong tục được thể hiện cô đọng, súc tích trong từng câu ca dao, tục ngữ. Qua đó, có thể thấy, trong tâm thức của người Việt, văn hóa truyền thống luôn là mạch nguồn tư tưởng của sáng tạo văn chương, từ văn học dân gian đến văn học hiện đại. Chắc chắn còn nhiều phong tục Tết khác được biểu hiện qua ca dao, tục ngữ các vùng miền mà trong khuôn khổ một bài viết tác giả chưa có điều kiện để khảo sát đầy đủ. Song, với những phong tục đẹp điển hình trên phần nào cho thấy ca dao tục ngữ Việt Nam là một nguồn tư liệu vô cùng phong phú và đa dạng về truyền thống văn hóa dân tộc cần được khai thác và gìn giữ.

6. Kết luận

Nghiên cứu ca dao, tục ngữ từ góc nhìn văn hóa là cách tiếp cận, nghiên cứu văn học mang lại nhiều ý nghĩa. Nó không chỉ làm phong phú thêm cách nhìn về văn học dân gian trong mối quan hệ tương tác với văn hóa dân tộc. Hơn thế nữa, những nét đẹp của phong tục lễ Tết cổ truyền đã làm tăng sức sống cho ca dao, tục ngữ trong văn học dân gian Việt Nam. Nghiên cứu ca dao, tục ngữ từ góc nhìn văn hóa giúp ta hiểu hơn về đời sống tinh thần của người Việt. Ở một góc độ nào đó, nó lý giải điểm chung cũng như nguồn gốc nảy sinh các mỹ tục Tết cổ truyền dân tộc đều xuất phát từ nền văn minh lúa nước. Phân tích những mỹ tục này qua ca dao, tục ngữ sẽ góp phần bảo vệ, phục hồi và lưu giữ các nét đẹp của văn hóa truyền thống dân tộc trong thời kỳ giao lưu tiếp biến văn hóa hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Đào Duy Anh (2022), *Việt Nam văn hóa sử cương*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [2]. Toan Ánh (2012), *Tìm hiểu phong tục Việt Nam qua nếp cũ gia đình và lễ - tết - hội hè*, NXB Trẻ Thành phố Hồ Chí Minh.
- [3]. Nguyễn Duy Bắc (2006), *Cảm nhận về văn hóa và văn học trong hành trình đổi mới*, NXB Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
- [4]. Phan Kế Bính (2016), *Việt Nam phong tục*, NXB Văn học, Hà Nội.
- [5]. Nguyễn Đông Chi (1993), *Việt Nam cổ văn học sử*, NXB Trẻ, TP Hồ Chí Minh.

- [6]. Bích Hằng (2007), Tuyển chọn *Cao dao Việt Nam*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [7]. Nguyễn Xuân Kính (2002), *Kho tàng tục ngữ người Việt* (tập 1), NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [8]. Vũ Ngọc Phan (2021), *Tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam*, NXB Văn học, Hà Nội.
- [9]. Trần Ngọc Thêm (1997), *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, NXB TP Hồ Chí Minh.

NHỮNG PHONG TỤC, TẬP QUÁN Ý NGHĨA TRONG TẾT NGUYÊN ĐÁN CỦA NGƯỜI VIỆT QUA CA DAO, TỤC NGŨ

Hoàng Thị Kim Oanh

Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

Email: hoangthikimoanh@dvttdt.edu.vn

Received: 03/01/2024

Reviewed: 05/01/2024

Revised: 10/01/2024

Accepted: 26/01/2024

Released: 31/01/2024

Tết Nguyên Đán là ngày lễ và là một sinh hoạt văn hóa truyền thống quan trọng nhất của người Việt Nam. Tết Nguyên Đán mang ý nghĩa nhân văn vô cùng sâu sắc bởi kết tinh giá trị tâm linh cũng như tình cảm và sự gắn kết cộng đồng trong tín ngưỡng văn hóa dân gian. Ca dao, tục ngữ là kho tàng văn hóa, tri thức dân gian, phản ánh những phong tục, tập quán, tâm tư tình cảm của người Việt Nam. Trong đó, ông cha ta đã để lại nhiều câu ca dao, tục ngữ về những phong tục tập quán đẹp trong Tết Nguyên Đán của người Việt góp phần tạo nên bản sắc văn hóa dân tộc.

Từ khóa: Tết Nguyên Đán; Phong tục, tập quán; Ca dao; Tục ngữ.